ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4049 /KH-UBND	*Than Uyên, ngày 11 tháng 11 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện Than Uyên

Căn cứ Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 4156/KH-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện cụ thể, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa các nhiệm vụ, mục tiêu của Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đảm bảo phù hợp với thực tiễn của huyện; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan, nâng cao chất lượng công tác phối hợp để nâng cao chất lượng công tác cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

2. Phát triển hạ tầng cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn phù hợp với tập quán, điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương; đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của ngành, lĩnh vực khác.

3. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút mọi nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình, đảm bảo hiệu quả, bền vững.

4. Chủ động lồng ghép các nội dung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án có liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

- Bảo vệ sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, góp phần xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Phấn đấu trên 40% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày.

- Trên 100% hộ gia đình nông thôn, 100% trường học (điểm trường chính), Trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Phấn đấu 30% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 10% nước thải sinh hoạt được xử lý; phấn đấu trên 80% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

b) Đến năm 2045

Phấn đấu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững; 60% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, trên 50% nước thải sinh hoạt được xử lý; 100% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách

Triển khai cụ thể hóa các cơ chế, chính sách liên quan đến cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn của trung ương và của tỉnh, huyện. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn.

2. Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền

- Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về nước sạch và vệ sinh nông thôn; thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; hướng dẫn người dân chủ động tích, trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, ngập lụt.

- Tổ chức phát động Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hàng năm và triển khai các hoạt động hưởng ứng.

- Đa dạng loại hình truyền thông, kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Về cấp nước sạch nông thôn

3.1. Cấp nước sạch tập trung

- Ưu tiên đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, ô nhiễm nguồn nước, tận dụng các khe, mó nước để làm công trình đầu mối hoặc đầu tư xây dựng các hồ trữ nước sinh hoạt (“hồ treo”).

- Rà soát các khu vực chưa được đầu tư công trình cấp nước sạch tập trung để lập phương án, đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của huyện cho phù hợp. Đối với những nơi có điều kiện phù hợp, nghiên cứu phương án bổ sung nước từ các nhánh của các công trình nước sạch do Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu quản lý (Chi nhánh nước sạch Than Uyên), đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các hồ chứa thủy lợi kết hợp nước sinh hoạt để cấp nước ổn định cho Nhân dân.

- Tích cực thu hút, lồng ghép các nguồn lực đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung gắn với khai thác, quản lý vận hành theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu. Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sạch bảo đảm hoạt động hiệu quả, gắn với giám sát quản lý, vận hành công trình.

3.2. Cấp nước quy mô hộ gia đình

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng bể trữ nước mưa và các hình thức trữ nước khác phù hợp đặc thù vùng để đảm bảo nhu cầu nước sinh hoạt. Nghiên cứu xây dựng và nhân rộng mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình.

- Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước quy mô hộ gia đình; sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình.

3.3. Quản lý vận hành

- Tổ chức hướng dẫn quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với từng loại hình, ở từng xã, thị trấn.

- Rà soát các công trình hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định.

- Xây dựng và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn; thực hiện bù chéo chi phí trong quản lý, vận hành công trình cấp nước; hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật quản lý, vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, vận hành và bảo vệ công trình cấp nước, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng" với hỗ trợ chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật của đơn vị chuyên trách.

4. Về vệ sinh nông thôn

4.1. Vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng

- Triển khai, nhân rộng phong trào cộng đồng không phóng uế bừa bãi, hướng tới thay đổi nhận thức, hành vi vệ sinh của người dân, tăng tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Ứng dụng và phổ biến các giải pháp công nghệ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tiếp cận đồng bộ dịch vụ vệ sinh an toàn gắn với truyền thông thay đổi hành vi.

- Chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn phải được quản lý theo quy định; tận dụng triệt để chất thải sinh hoạt hữu cơ, chất thải từ chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn gia súc hoặc phân bón nông nghiệp.

- Tăng cường theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường nông thôn; xác định khu vực ô nhiễm, khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và thực hiện biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường.

4.2. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Chú trọng công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp đối với các cụm dân cư nông thôn.

- Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn; quy định tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tập trung trong chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở cấp huyện, xã.

- Tích cực huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách thông qua áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp trong sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí, thủ tục hành chính, kinh phí đầu tư và sau đầu tư.

4.3. Xử lý chất thải chăn nuôi

- Tăng cường quản lý các hoạt động chăn nuôi, gắn với việc đảm bảo môi trường chăn nuôi theo quy định; phổ biến các hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật của các cơ quan trung ương và khuyến khích áp dụng các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn.

- Quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mùi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh từ cơ sở chăn nuôi không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường. Hộ chăn nuôi, chủ trang trại chăn nuôi chịu trách nhiệm xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng quy định.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng hỗ trợ người dân phát triển nông nghiệp nông thôn, trong đó ưu tiên các mô hình, dự án đầu tư xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và xử lý chất thải chăn nuôi.

5. Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chú trọng đào tạo, tập huấn

- Ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe người dân, ưu tiên công nghệ đơn giản; tăng cường sử dụng vật liệu mới, vật liệu địa phương trong xây dựng công trình, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa trong quản lý, vận hành, bảo vệ công trình.

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình; ưu tiên đội ngũ quản lý, vận hành mô hình công trình cộng đồng quản lý. Tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý cơ sở trong công tác lập kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động cấp nước và vệ sinh.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

- Tăng cường giám sát chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn chất lượng; thường xuyên cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi - đánh giá về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đảm bảo tin cậy, hiệu quả.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức thanh kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm tạo sức răn đe. Thực hiện kiểm tra, lấy mẫu, phân tích chất thải chăn nuôi sau xử lý nhằm đánh giá các biện pháp xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước, xả chất thải, nước thải không đúng quy định; huy động sự tham gia, giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Vốn ngân sách nhà nước, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, nhất là nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác có mục tiêu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế - xã hội, huy động sự tham gia, đóng góp của người dân trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình cấp nước, vệ sinh môi trường nông thôn và hỗ trợ hoạt động cấp nước quy mô hộ gia đình.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Lồng ghép nội dung Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác có liên quan.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; phối hợp tham mưu bồi dưỡng nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống cấp nước và cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

- Hướng dẫn triển khai quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, các cơ quan liên quan: đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực cấp nước sạch và

vệ sinh nông thôn; tham mưu bố trí vốn cho chương trình, dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện đề xuất cấp có thẩm quyền đưa danh mục các công trình cấp nước sạch, nước sinh hoạt và vệ sinh nông thôn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng giai đoạn. Bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Quản lý hoạt động bảo vệ môi trường của khu vực nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung, tiêu chí về bảo vệ môi trường nông thôn, biện pháp thu gom và xử lý chất thải phù hợp, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường nông thôn.

- Quản lý việc khai thác, sử dụng nguồn nước; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ nguồn nước, xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các quy định trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

3. Trung tâm Y tế huyện Than Uyên

- Chủ trì trong việc thực hiện bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế; kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người.

- Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước, vệ sinh trong Trạm y tế và các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình và công trình vệ sinh công cộng, vệ sinh cá nhân.

- Tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn huyện.

- Tổ chức thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân, rửa tay với xà phòng, vệ sinh nhà tiêu, cấp nước và vệ sinh Trạm y tế; hướng dẫn người dân thực hiện hành vi vệ sinh cá nhân có lợi cho sức khỏe.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Tổ chức chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ cấp nước, vệ sinh trong trường học và các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện.

- Xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình tuyên truyền, giáo dục về nước sạch và vệ sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và nhận thức của học sinh ở từng cấp học.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lồng ghép nội dung Kế hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các chương trình, dự án khác có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các cơ quan liên quan: Đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; tham mưu bố trí vốn cho chương trình, dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện đề xuất cấp có thẩm quyền đưa danh mục các công trình cấp nước sạch, nước sinh hoạt và vệ sinh nông thôn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng giai đoạn. Bố trí, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để thực hiện.

- Trên cơ sở các nhiệm vụ của Kế hoạch, đề xuất của các đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

6. Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, đưa tin về pháp luật, cơ chế, chính sách về nước sạch và vệ sinh nông thôn. Phổ biến các kỹ năng, phương pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ nguồn nước, đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; hướng dẫn người dân chủ động tích, trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, ngập lụt...

7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai Kế hoạch này; chủ động huy động, bố trí lồng ghép các nguồn lực để thực hiện theo quy định.

- Thực hiện việc lồng ghép nội dung Kế hoạch này vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cộng đồng về lĩnh vực cấp nước sạch nông thôn, vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân; cấp nước và vệ sinh Trạm y tế, trong trường học.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở NN & PTNT
- TT. Huyện ủy
- TT. HĐND huyện

(b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chi Nhánh nước sạch Than Uyên;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN T.LAI CHÂU

Phạm Hồng Thái